TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE** Số: **41**/2021/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Châu Thành, ngày 20 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 303A1, khu phố A, phường B, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:*1. Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1947;

2. Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1971;

Cùng địa chỉ: Số nhà 180B, khu phố C, thị trấn D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Thành Tr, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 299A1, khu phố E, phường F, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc Ng, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Ng và ông Phạm Ngọc Đ đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu H số tiền là 1.710.000.000đồng (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng). Trong đó ông Đ có trách nhiệm trả cho bà H 266.000.000đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng), bà Ng có trách nhiệm trả cho bà H 1.444.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Ghi nhận bà H không yêu cầu bà K, ông Tr có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho bà Hà.

* Ghi nhận bà H và bà K tự thương lượng giải quyết đối với số tiền nợ 38.000.000đồng (Ba mươi tám triệu đồng), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Các bên đương sự thỏa thuận thời gian trả và cách thức trả được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đương sự phải chịu 50% là 31.650.000 đồng (Ba mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Bà H có nghĩa vụ chịu án phí là 15.825.000đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000124 ngày 12/4/2021 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000125 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà H được nhận lại số tiền chênh lệch là 22.815.000đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bà Ng, ông Đ đồng ý có nghĩa vụ liên đới chịu án phí 15.825.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh